

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 06/5/2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
và cấp dưỡng nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Toại.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Hồng;
Bà Nguyễn Thị Tố Nga.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lên – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Triều – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2019/TLST –HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh năm 1991; có mặt tại phiên tòa.

Nơi cư trú: Tổ X, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Anh Đ, sinh năm 1983; có mặt tại phiên tòa.

Nơi cư trú: Thôn Ph, xã B (nay là B1), huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/12/2019, bản tự khai ngày 18/12/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Thùy Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy Tr và Anh Bùi Anh Đ tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 05/6/2016 tại UBND xã B, huyện S. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha, mẹ đẻ của chị Trang ở tổ 1, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; thỉnh thoảng về nhà cha, mẹ của anh Đ sinh sống.

Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do anh Đ rượu chè, đánh bài bạc gây nợ nần. Mặc

dù, hai bên gia đình đã khuyên can nhưng anh Đức không thay đổi. Do mâu thuẫn nên từ đầu năm 2020, anh Đức về sống với cha mẹ anh và vợ chồng không còn sống chung với nhau. Nay chị xét thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể khắc phục, hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu giải quyết cho chị ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị Tr xác định, vợ chồng có 01 con chung là Bùi Hữu Quốc Kh, sinh ngày 04/4/2017 đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị Tr yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Kh và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Tr và anh Đ tự thỏa thuận và chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ tài sản: Chị Tr xác định, vợ chồng có nghĩa vụ chung về tài sản với người thứ ba.

Tại phiên tòa, chị Tr giữ nguyên nội dung trình bày và khởi kiện như trên. Chị Tr cho rằng, chị có công việc ổn định, nơi ở tại thành phố Q nên đảm bảo điều kiện giáo dục, chăm sóc con chung hơn anh Đ. Ngoài ra, chị Tr không yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 23/12/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn Anh Bùi Anh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ công nhận ý kiến trình bày về thời gian kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như chị Tr trình bày trên là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn trước đây là do anh có chơi bời gây nợ nần, không chăm lo cho gia đình nhưng nay anh đã thay đổi và không còn chơi bời, đã lo làm ăn, thỉnh thoảng có uống bia rượu.

Nay chị Tr yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý và mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ sống chung nuôi dạy con cái để con không thiếu tình cảm của cha, mẹ.

Về con chung: Anh Đ công nhận, vợ chồng có 01 con chung là Bùi Hữu Quốc Kh, sinh ngày 04/4/2017 đang ở với chị Tr. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh mong muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án chấp nhận giao con cho chị Tr nuôi dưỡng thì anh sẽ thực hiện nghĩa vụ của cha đối với con, vì anh cũng yêu cầu được nuôi con nên không thống nhất mức cấp dưỡng như chị Trang yêu cầu.

Về tài sản chung: Anh Đ cho rằng, vợ chồng tự thỏa thuận và chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ tài sản: Anh Đ cho rằng, vợ chồng không có nghĩa vụ chung về tài sản với người thứ ba, còn nghĩa vụ riêng về tài sản thì do vay, mượn riêng nên tự trả nợ và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Đ giữ nguyên ý kiến trình bày trên. Anh có ý kiến bổ sung, anh chỉ yêu cầu được trực tiếp nuôi con, còn việc chị Tr yêu cầu ly hôn do Tòa án quyết định. Ngoài ra, anh Đ không trình bày gì thêm.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn về nội dung vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đầy đủ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải bị đơn tự ý bỏ về khi chưa tiến hành xong thủ tục hòa giải là không chấp hành đúng nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên cần rút kinh nghiệm.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 189, 203, 220 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Chị Nguyễn Thị Thùy Tr được ly hôn Anh Bùi Anh Đ.

Về con chung: Giao cháu Bùi Hữu Quốc Kh, sinh ngày 04/4/2017 cho chị Tr tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng cho chị Tr số tiền 1.500.000đồng.

Về tài sản chung: Chị Tr và Anh Đ tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

Về nghĩa vụ tài sản: Chị Tr và Anh Đ xác định anh, chị không có nghĩa vụ tài sản với người thứ ba nên không giải quyết.

Về án phí dân sự: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch (về ly hôn) và anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Thùy Tr và Anh Bùi Anh Đ có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, giữa chị Tr và anh Đ xảy ra mâu thuẫn, tại phiên tòa anh Đ công nhận nguyên nhân anh Đ mâu thuẫn là do trước đây anh hay chơi cờ bạc gây nợ nần làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy cãi vã. Mâu thuẫn giữa chị Tr đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhưng anh Đ không có thay đổi. Chị Tr không còn tin tưởng anh Đ và tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Đến nay vợ chồng đã sống ly thân, anh Đ về sống với cha mẹ anh, còn chị Tr sống với cha mẹ chị. Quá trình Tòa án giải quyết, mặc dù anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng anh không có thiện chí đoàn tụ, hòa giải mâu thuẫn giữa vợ chồng; điều này thể hiện là khi Tòa án tiến hành mở phiên hòa giải thì anh Đ tự ý bỏ về. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh, chị ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị Tr được ly hôn anh Đ là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế của anh, chị.

[3] *Về con chung:* Anh Đ và chị Tr đều xác định, anh, chị có một con chung là Bùi Hữu Quốc Kh, sinh ngày 04/4/2017 đang sống cùng chị Tr. Trong quá trình Tòa án giải quyết, chị Tr và anh Đ đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Kh còn nhỏ tuổi (37 tháng tuổi), chị Tr có công việc (nghề nghiệp giáo viên) và thu nhập ổn định; Anh Đ đang làm nghề lao động tự do, điều kiện về giờ giấc làm việc thay đổi theo nhu cầu công việc, thu nhập không ổn định. Xét về điều kiện nuôi con của các bên thì chị Tr đảm bảo điều kiện nuôi con hơn anh Đ, để đảm bảo điều kiện phát triển về mọi mặt cho cháu Kh nên cần thiết tiếp tục giao cho chị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị Tr yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, anh Đ đồng ý thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng của cha đối với con. Xét thấy, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; anh Đ có công việc không ổn định, mức yêu cầu cấp dưỡng của chị Trang phù hợp với thu nhập bình quân của anh Đức (khoảng 6.000.000đồng), để đảm bảo nhu cầu sinh hoạt, chi phí nuôi con cần thiết nên chấp nhận mức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng 1.500.000đồng như chị Tr yêu cầu là phù hợp nhu cầu của trẻ em thực tế tại địa phương và khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về tài sản chung:* Chị Tr và anh Đ tự thỏa thuận, chưa yêu cầu nên không giải quyết.

[5] *Về nghĩa vụ tài sản:* Anh Đ và chị Tr xác định anh, chị không có nghĩa vụ tài sản với người thứ ba nên không giải quyết.

[6] *Về án phí:* Buộc chị Tr phải chịu án phí tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch (về ly hôn) 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) và anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (về cấp dưỡng nuôi con chung) 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn như trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1, 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 267, khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận Chị Nguyễn Thị Thùy Tr được ly hôn Anh Bùi Anh Đ.

2. *Về con chung*: Giao cháu Bùi Hữu Quốc Kh, sinh ngày 04/4/2017 cho Chị Nguyễn Thị Thùy Tr tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (cháu Khánh đang sống cùng chị Trang).

3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Buộc Anh Bùi Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho Chị Nguyễn Thị Thùy Tr nuôi con chung là Bùi Hữu Quốc Kh, sinh ngày 04/4/2017, mức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng 1.500.000 đồng (*một triệu, năm trăm nghìn đồng*), thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 06/5/2020 cho đến khi cháu Khánh đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết chị Tr, anh Đ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật liên quan.

4. *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị Thùy Tr và Anh Bùi Anh Đ tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về nghĩa vụ tài sản*: Chị Nguyễn Thị Thùy Tr và Anh Bùi Anh Đ xác định anh, chị không có nghĩa vụ tài sản với người thứ ba nên không giải quyết.

6. Về án phí:

6.1 *Án phí hôn nhân và gia đình không có giá ngạch*: 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), Chị Nguyễn Thị Thùy Tr phải nộp nhưng được khấu trừ xong tiền tạm ứng án phí chị đã 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000616 ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

6.2. *Về án phí cấp dưỡng nuôi con:* Buộc Anh Bùi Anh Đ phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) sung công quỹ Nhà nước.

7. *Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự 2008, các Điều 7, 7a, 7b của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự 2008.

Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (06/5/2020).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Toại

